

Tăng tỷ trọng

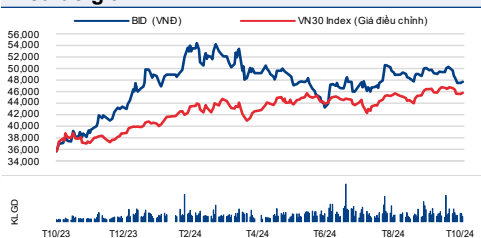
Giá mục tiêu: VNĐ52,800

Tiềm năng tăng/giảm: 10.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/10/2024)	47,750
Mã Bloomberg	BID VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	35,496-54,400
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	47,625
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	192,051
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,581
Slg CP lưu hành (tr.đv)	4,022
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,207
Slg CP NN được mua (tr.đv)	512
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.3%
Tỷ lệ freefloat	4.01%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước (81.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	2,301	2,527	2,804
Dư nợ cho vay (ntđ)	1,778	1,991	2,230
Tổng thu nhập HD (ntđ)	73.3	82.8	96.4
Lợi nhuận thuần (ntđ)	21.7	25.9	31.6
BVPS (đồng)	20,692	25,042	29,879
EPS (đồng)	3,812	4,544	5,385
DPS (đồng)	-	0	600
T.trưởng cho vay KH (%)	16.8	12.0	12.0
T.trưởng thu nhập HD (%)	5.29	13.0	16.4
Tăng trưởng EPS (%)	19.4	19.2	18.5
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	0	11.1
ROAE (%)	20.0	19.6	19.1
ROAA (%)	0.98	1.07	1.19
Tỷ lệ NIM (%)	2.69	2.85	2.98
Tỷ lệ CIR (%)	34.2	33.4	31.8
Hệ số CAR (%)	9.40	9.22	10.2
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.26	1.20	1.20
LLR/nợ xấu (%)	181	121	121
Hệ số LDR (%)	104	105	106
P/B (lần)	2.31	1.91	1.60
P/E (lần)	12.5	10.5	8.87
Lợi suất cổ tức (%)	-	0	1.26

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là ngân hàng thương mại lớn nhất tại Việt Nam xét trên quy mô tổng tài sản.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

KQKD Q3 khiêm tốn và thấp hơn dự báo

- LNTT Q3 của BID đạt 6,5 nghìn tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ nhưng giảm 20% so với quý trước, do tổng thu nhập hoạt động giảm 4% so với cùng kỳ trong khi chi phí dự phòng giảm 25% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, LNTT tăng 12% so với cùng kỳ đạt 22 nghìn tỷ đồng, bằng 67% dự báo cả năm và thấp hơn vừa phải so với dự báo 9 tháng của chúng tôi.
- Tín dụng tăng trưởng 9,8% kể từ đầu năm với tỷ lệ NIM giảm so với cùng kỳ xuống 2,31%. Trong khi đó, tỷ lệ nợ xấu tăng lên 1,71% và hệ số LLR giảm xuống 116%.
- Sau khi giảm 4% trong 1 tháng qua, BID đang giao dịch với P/B trượt dự phòng 1 năm là 1,91 lần, nằm giữa VCB (2,64 lần) và CTG (1,33 lần). HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 52.800đ (tiềm năng tăng giá 11%) và dự báo cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024 vào ngày 30/10/2024

BID đã công bố KQKD Q3/2024 vừa phải với LNTT đạt 6,5 nghìn tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ nhưng giảm 20% so với quý trước, trong đó chi phí dự phòng giảm 25% so với cùng kỳ nhưng tổng thu nhập hoạt động giảm 4% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, LNTT đạt 22 nghìn tỷ đồng (tăng 12% so với cùng kỳ), bằng 67% dự báo cả năm và thấp hơn so với dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Tín dụng Q3 tăng trưởng vững chắc

Tín dụng Q3/2024 tăng trưởng 9,8% kể từ đầu năm (tăng 3,9% so với quý trước) đạt 1.960 nghìn tỷ đồng. Cụ thể, tổng dư nợ cho vay tăng 9,9% kể từ đầu năm đạt 1.953 nghìn tỷ đồng, nhờ tất cả các phân khúc, trong khi TPDN vẫn đi ngang ở mức 7 nghìn tỷ đồng. Sự hồi phục này là nhờ môi trường lãi suất thuận lợi (sau khi chạm đáy vào tháng 3/2024) nhưng mặt bằng lãi suất này cũng sẽ gây sức ép lên tỷ lệ NIM của BID (Mời xem phân tích bên dưới).

Về mặt huy động, tiền gửi khách hàng, giữ vững đà tăng với tăng trưởng tín dụng, tăng 9,9% kể từ đầu năm (tăng 3,9% so với quý trước) đạt 1.873 nghìn tỷ đồng trong khi giấy tờ có giá giảm 11,7% kể từ đầu năm xuống 193 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn gần như đi ngang so với quý trước ở mức 18,7%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024, BID

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ	% 2024F của HSC
Thu nhập lãi thuần	13,783	13,990	1%	41,526	42,369	2%	64%
Thu nhập ngoài lãi	4,104	3,269	-20%	11,144	12,286	10%	75%
Lãi thuần HD dịch vụ	1,764	1,475	-16%	4,953	5,107	3%	68%
Lãi thuần HDKD ngoại hối	1,683	732	-56%	3,140	3,924	25%	74%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	(180)	(549)	204%	28	(82)		-12%
Thu nhập thuần khác	741	1,505	103%	2,753	3,037	10%	124%
Thu nhập từ góp vốn / mua cổ phần	96	106	10%	271	301		79%
Tổng thu nhập HD	17,887	17,259	-4%	52,670	54,655	4%	66%
Chi phí HD	(6,044)	(6,307)	4%	(17,246)	(18,408)	7%	67%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	11,842	10,951	-8%	35,424	36,247	2%	66%
Chi phí dự phòng	(5,950)	(4,453)	-25%	(15,669)	(14,200)	-9%	64%
LNTT	5,893	6,498	10%	19,755	22,047	12%	67%
Lợi nhuận thuần	4,583	5,151	12%	15,658	17,333	11%	67%

Nguồn: BID, HSC

Tỷ lệ NIM sụt giảm do hỗ trợ khách hàng

Tỷ lệ NIM Q3/2024 giảm 25 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 35 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 2,31% do lợi suất gộp giảm 20 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 170 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 5,66% trong khi chi phí huy động tăng 5 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 151 điểm cơ bản so với cùng kỳ) lên 3,46%.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, tỷ lệ NIM giảm xuống 2,42% từ 2,49% trong Q2 và 2,72% trong Q3/2023. Tỷ lệ NIM sụt giảm phù hợp với xu hướng ngành, trong đó tỷ lệ NIM bình quân giảm 5 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 10 điểm cơ bản so với cùng kỳ xuống 3,58%.

Tỷ lệ NIM sụt giảm ở hầu hết các NHTM trong kỳ, phản ánh các biện pháp hỗ trợ lãi suất mạnh mẽ của NHNN nhằm đẩy mạnh quá trình phục hồi của nhu cầu tín dụng trong khi chi phí huy động của các NHTM có xu hướng tăng lên từ đáy. HSC cho rằng thu nhập lãi của các NHTM sụt giảm là sự đánh đổi phù hợp để hỗ trợ nền kinh tế. Trong năm 2025, chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ NIM sẽ hồi phục nhờ nhu cầu tín dụng khởi sắc.

Thu nhập lãi thuần Q3 của BID chỉ tăng 1% so với cùng kỳ lên 14 nghìn tỷ đồng, tính chung 9 tháng đầu năm 2024, thu nhập lãi thuần tăng 2% so với cùng kỳ lên 42,3 nghìn tỷ đồng, bằng 64% dự báo cả năm của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi giảm mạnh

Thu nhập ngoài lãi Q3 giảm 20% so với cùng kỳ đạt 3.269 tỷ đồng, trong đó lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 16% so với cùng kỳ xuống 1.475 tỷ đồng, lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 56% so với cùng kỳ xuống 732 tỷ đồng và lỗ ở mảng mua bán trái phiếu.

Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối sụt giảm do đồng VND mất giá nhanh trong kỳ. Trên thực tế, tỷ giá USD/VND giảm từ khoảng 25.450 xuống 24.550 (giảm 3,6%), từ đó làm giảm nhu cầu giao dịch ngoại tệ. Trong Q4/2024, chúng tôi dự báo lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối sẽ hồi phục nhờ tỷ giá USD/VND hồi phục nhanh.

Thu nhập khác, chủ yếu là thu nhập từ thu hồi nợ xấu sau khi bán tài sản đảm bảo, tăng gấp đôi so với cùng kỳ (tăng 46% so với quý trước) lên 1.505 tỷ đồng, chủ yếu nhờ giá BĐS ở một số khu vực hồi phục. Thu nhập khác 9 tháng đầu năm 2024 đạt 3.037 tỷ đồng (tăng 10% so với cùng kỳ), bằng 124% dự báo cả năm của chúng tôi. Do đó, chúng tôi dự báo khoản thu nhập này sẽ tăng trưởng cao trong Q4/2024 và trong năm 2025.

Chất lượng tài sản suy yếu nhẹ

Tỷ lệ nợ xấu tăng lên 1,71% từ 1,52% tại thời điểm cuối Q2/2024 và tỷ lệ nợ nhóm 2 cũng tăng lên 1,67% từ 1,59%. Hệ số LLR giảm xuống 116% từ 132% tại thời điểm cuối Q2/2024.

Tỷ lệ nợ xấu tăng lên là một xu hướng khác trong ngành ngân hàng, bình quân tăng lên 2% trong quý từ 1,93% trong Q2/2024 và 2,01% trong Q3/2023. Tỷ lệ nợ xấu của BID giảm chậm hơn so với dự báo của chúng tôi (1,2% tại thời điểm cuối năm 2024).

Chi phí dự phòng giảm 25% so với cùng kỳ xuống 4,4 nghìn tỷ đồng trong Q3/2024. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, chi phí dự phòng giảm 9% so với cùng kỳ xuống 14,2 nghìn tỷ đồng, tương đương chi phí tín dụng 9 tháng đầu năm 2024 bằng 1,02% (giảm từ 1,25% trong năm 2023) và bằng 64% dự báo cả năm của chúng tôi.

Theo chúng tôi, chi phí tín dụng thấp trong 9 tháng đầu năm 2024 cùng với tỷ lệ nợ xấu tăng lên phản ánh chất lượng tài sản vừa phải, mặc dù BID đã trải qua quá trình tái cấu trúc kéo dài và chi phí tín dụng đã giảm xuống 1,25% trong năm 2023 từ bình quân 2% trong giai đoạn 2018-2021.

HSC duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn

Nhìn chung, thu nhập lãi thuần thực hiện trong 9 tháng đầu năm 2024 & chất lượng tài sản không đạt dự báo của chúng tôi, từ đó ảnh hưởng tới diễn biến giá cổ phiếu. Sau khi giảm 4% trong 1 tháng qua, BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,91 lần, thấp hơn 28% so với VCB (2,64 lần, Mua vào, giá mục tiêu 106.500đ) nhưng cao hơn 44% so với CTG (1,33 lần, Mua vào, giá mục tiêu 41.000đ) – 2 ngân hàng tương đồng nhất đối với BID (theo chúng tôi).

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 52.800đ và dự báo cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	121	153	150	176	200
Chi phí lãi	(65.1)	(96.6)	(83.7)	(99.2)	(113)
Thu nhập lãi thuần	56.1	56.4	66.3	76.7	86.8
Lãi thuần HĐ dịch vụ	5.66	6.57	7.52	9.15	10.3
Lãi thuần HĐ KDNH	3.14	4.71	5.18	5.70	6.27
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.23	3.18	0.97	0.78	0.76
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.29	0.35	0.38	0.42	0.50
Thu nhập khác	4.21	2.08	2.46	3.62	5.05
Tổng thu nhập HĐ	69.6	73.3	82.8	96.4	110
Chi phí HĐ	(22.5)	(25.1)	(27.6)	(30.6)	(33.9)
LN trước dự phòng	47.0	48.2	55.2	65.8	75.8
Chi phí dự phòng	(24.0)	(20.6)	(22.3)	(25.8)	(27.7)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	23.1	27.6	32.8	40.0	48.0
Chi phí thuế TNDN	(4.60)	(5.61)	(6.57)	(8.01)	(9.60)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.26)	(0.30)	(0.36)	(0.44)	(0.52)
Lợi nhuận thuần	18.2	21.7	25.9	31.6	37.9
EPS (đồng)	3,194	3,812	4,544	5,385	6,156
DPS (đồng)	0	-	0	600	700
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,696	5,700	5,700	5,865	6,156
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,696	5,700	5,865	6,156	6,156
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,696	5,700	5,865	6,156	6,156

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	13.7	11.0	13.6	16.5	21.9
Tiền gửi tại NHNN	111	51.6	37.8	47.2	62.3
Tiền gửi tại các TCTD khác	221	212	205	210	214
Chứng khoán kinh doanh	1.70	6.97	7.51	8.13	8.83
Các công cụ tài chính phái sinh	1.04	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	1,484	1,737	1,962	2,198	2,441
Tổng dư nợ cho vay	1,522	1,778	1,991	2,230	2,475
Dự phòng rủi ro	(38.2)	(40.4)	(28.8)	(32.3)	(34.0)
Chứng khoán đầu tư	236	222	242	264	287
CK đầu tư sẵn sàng để bán	162	128	138	149	161
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	73.7	95.7	105	116	127
Dự phòng rủi ro	(0.38)	(0.90)	(0.82)	(0.75)	(0.69)
Đầu tư dài hạn	2.98	3.11	3.14	3.18	3.21
Tài sản cố định	10.5	11.1	11.7	12.2	12.8
Tài sản khác	38.3	45.5	43.3	45.4	47.7
Tổng tài sản	2,121	2,301	2,527	2,804	3,099
Nợ phải trả	2,016	2,178	2,375	2,614	2,881
Tiền gửi của NHNN	153	35.9	36.3	45.3	47.6
Tiền gửi của các TCTD khác	179	182	184	197	199
Tổng tiền gửi KH	1,474	1,704	1,892	2,100	2,352
Trái phiếu và CCTG	157	189	193	197	201
Nợ khác	40.9	53.5	57.2	62.9	69.2
Vốn chủ sở hữu	99.5	118	147	184	213
Vốn điều lệ	50.6	57.0	58.7	61.6	61.6
Thặng dư vốn cổ phần	15.4	15.4	21.3	31.7	31.7
Lợi nhuận giữ lại	24.3	33.6	51.1	70.2	93.5
Quỹ & vốn khác của CSH	9.23	11.7	15.8	20.4	25.9
Lợi ích cổ đông thiểu số	4.72	4.97	5.15	5.36	5.58
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	2,121	2,301	2,527	2,804	3,099
BVPS (đồng)	17,466	20,692	25,042	29,879	34,545

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	20.4	8.50	9.82	11.0	10.5
Tăng trưởng cho vay KH (%)	12.4	16.8	12.0	12.0	11.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	6.75	15.7	11.0	11.0	12.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	8.42	16.1	10.1	10.2	11.1
Tăng trưởng VCSH (%)	19.6	18.6	24.5	25.2	15.6
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	19.7	0.59	17.6	15.7	13.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	16.5	11.2	10.1	10.8	10.8
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	9.32	2.45	14.5	19.2	15.2
Tăng trưởng LNTT (%)	69.5	19.9	18.8	21.9	20.0
Tăng trưởng LN thuần (%)	72.1	19.5	19.2	21.9	20.0

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.58	3.31	3.43	3.62	3.72
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.16)	(1.13)	(1.14)	(1.15)	(1.15)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	94.1	95.0	96.5	96.5	96.2
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.45	2.51	2.75	3.11	3.43
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	15.6	18.1	21.0	24.9	29.0

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	14.9	12.5	10.5	8.87	7.76
P/B (lần)	2.73	2.31	1.91	1.60	1.38
Lợi suất cổ tức (%)	0	-	0	1.26	1.47

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	26.1	29.7	31.3	32.8	34.5
ROAA (%)	0.94	0.98	1.07	1.19	1.28
ROAE (%)	19.9	20.0	19.6	19.1	19.1
Chi phí huy động BQ (%)	3.62	4.74	3.79	4.09	4.24
Lợi suất góp BQ (%)	6.63	7.29	6.44	6.84	7.04
Lợi suất thuần (%)	3.00	2.54	2.65	2.75	2.80
Tỷ lệ NIM (%)	3.07	2.69	2.85	2.98	3.06
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.13	8.97	9.08	9.49	9.39
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	80.6	77.0	80.1	79.6	79.1
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	19.4	23.0	19.9	20.4	20.9
Tỷ lệ CIR (%)	32.4	34.2	33.4	31.8	30.9
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	-	0	11.1	11.4

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.34	9.40	9.22	10.2	10.5
VCSH/Tổng TS (%)	4.69	5.13	5.81	6.56	6.86
Đòn bẩy vốn (lần)	21.3	19.5	17.2	15.2	14.6

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.16	1.26	1.20	1.20	2.15
Hệ số LLR (%)	217	181	121	121	63.9

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	103	104	105	106	105
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	9.88	8.78	8.11	7.90	7.23
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	71.8	77.3	78.8	79.5	79.9

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,163	1,198	1,234	1,271	1,309
Số lượng nhân viên	28,381	29,233	30,110	31,013	31,943

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn